Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3406.00.00

Mã HS	3406.00.00
Mô tả hàng hóa	Nến, nến cây và các loại tương tự
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	10/11/2026 03:48:36
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/34060000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5114
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5114
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5114
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-KH, MY)	0% (trừ KH, MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục B)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	10,9	10,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	14	14%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4996
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4957
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4957
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4957
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4957
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4957
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4957
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E5001
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5001

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5001
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5001
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5001
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5001
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	VJ!E4999
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F4999
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4999
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4999
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4999
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4999
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4999
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4963
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4959
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4959
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4959
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4959
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4959
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4959
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4968
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4968
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4968
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4968
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4968
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4968
VCFTA	2022	2022	5	VC!D5006
VCFTA	2023	2023	2	VC!E5006

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5006
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5006
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5006
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5006
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5003
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5003
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5003
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5003
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5003
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5003
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D5011
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E5011
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F5011
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G5011
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H5011
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5011
EVFTA	2022	2022	12,5	EV-NK!D4982
EVFTA	2023	2023	10	EV-NK!E4982
EVFTA	2024	2024	7,5	EV-NK!F4982
EVFTA	2025	2025	5	EV-NK!G4982
EVFTA	2026	2026	2,5	EV-NK!H4982
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4982
UKVFTA	2022	2022	12,5	UKV!D4984
UKVFTA	2023	2023	10	UKV!E4984
UKVFTA	2024	2024	7,5	UKV!F4984
UKVFTA	2025	2025	5	UKV!G4984

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	2,5	UKV!H4984
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4984
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4982
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4982
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4982
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4982
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4982
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4982
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4982
RCEP A	2022	2022	18	RCEPT-A!D5003
RCEP A	2023	2023	16	RCEPT-A!E5003
RCEP A	2024	2024	14	RCEPT-A!F5003
RCEP A	2025	2025	12	RCEPT-A!G5003
RCEP A	2026	2026	10	RCEPT-A!H5003
RCEP A	2027	2027	8	RCEPT-A!I5003
RCEP B	2022	2022	18	B!D5003
RCEP B	2023	2023	16	B!E5003
RCEP B	2024	2024	14	B!F5003
RCEP B	2025	2025	12	B!G5003
RCEP B	2026	2026	10	B!H5003
RCEP B	2027	2027	8	B!I5003
RCEP C	2022	2022	18	C!D5003
RCEP C	2023	2023	16	C!E5003
RCEP C	2024	2024	14	C!F5003
RCEP C	2025	2025	12	C!G5003
RCEP C	2026	2026	10	C!H5003

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	8	C!I5003
RCEP D	2022	2022	18,2	D!D5003
RCEP D	2023	2023	16,4	D!E5003
RCEP D	2024	2024	14,5	D!F5003
RCEP D	2025	2025	12,7	D!G5003
RCEP D	2026	2026	10,9	D!H5003
RCEP D	2027	2027	9,1	D!I5003
RCEP E	2022	2022	18	E!D5006
RCEP E	2023	2023	16	E!E5006
RCEP E	2024	2024	14	E!F5006
RCEP E	2025	2025	12	E!G5006
RCEP E	2026	2026	10	E!H5006
RCEP E	2027	2027	8	E!I5006
RCEP F	2022	2022	18	F!D5003
RCEP F	2023	2023	16	F!E5003
RCEP F	2024	2024	14	F!F5003
RCEP F	2025	2025	12	F!G5003
RCEP F	2026	2026	10	F!H5003
RCEP F	2027	2027	8	F!I5003
VIFTA	2024	2024	18	VI!F4614
VIFTA	2025	2025	16	VI!G4614
VIFTA	2026	2026	14	VI!H4614
VIFTA	2027	2027	12	VI!I4614

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3406.00.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 3406.00.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5114), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.